

Quan điểm triết học Mác về khắc phục sự tha hoá con người và ý nghĩa đối với phát triển con người Việt Nam hiện nay

ThS. NGUYỄN VĂN HOÀN

Tổng cục Hải quan; Email: nguyenvanhoan151173@gmail.com

Tóm tắt: Sự hình thành quan điểm về bản chất con người, về sự tha hoá con người, cũng như về sự giải phóng và phát triển ngày càng toàn diện con người luôn song hành với quan điểm về vai trò phát triển của khoa học và công nghệ đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất, trong đó con người luôn đóng vai trò trung tâm. Như vậy, việc quán triệt những quan điểm của triết học Mác về bản chất con người nói chung, cũng như về sự tác động của cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển con người nói riêng có ý nghĩa sâu sắc trong việc phát triển con người ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: quan điểm triết học Mác, khắc phục sự tha hóa, phát triển con người, Việt Nam.

1. Quan điểm triết học Mác về bản chất con người và về sự tha hóa con người

Trong hệ thống những quan điểm mang tính cách mạng về bản chất con người, C.Mác đã xuất phát từ sự phê phán những quan điểm duy tâm, siêu hình, đặc biệt là sự phê phán những quan điểm về bản chất con người của những đại biểu xuất sắc trong nền triết học cổ điển Đức. Theo C.Mác, quan điểm duy tâm tư biện của Ph.Hêghen về con người thực chất chỉ là quan niệm về "con người chưa tìm được bản thân mình hoặc đã lại để mất bản thân mình một lần nữa"⁽¹⁾, và C.Mác đi đến khẳng định: "Con người không phải là một sinh vật trừu tượng, ẩn náu đâu đó ở ngoài thế giới. Con người chính là thế giới con người, là nhà nước, là xã hội"⁽²⁾. Bởi như C.Mác đã nhấn mạnh, bản chất ấy của con người không phải là cái gì khác, mà là: "Tổng số những lực lượng sản xuất, những tư bản và những hình thức xã hội của sự giao tiếp mà mỗi cá nhân và mỗi thế hệ thấy hiện có, là cơ sở hiện thực của cái mà các nhà triết học hình dung là 'thực thể', là 'bản chất con người' (□), một cơ sở hiện thực mà tác động và ảnh hưởng của nó đối với sự phát triển của con người không hề bị ngăn trở"⁽³⁾.

Còn phê phán quan điểm của L.Phoi-ơ-bắc về bản chất con người, theo C.Mác, đó là những quan điểm vừa "hòa tan thế giới tôn giáo vào cơ sở trần tục của nó", vừa "hòa tan bản chất tôn giáo và bản chất con người", và "do đó, ở Phoi-ơ-bắc bản chất con người chỉ có thể được hiểu là 'loài' là tính phổ biến nội tại, gắn bó một cách thuần túy tự nhiên đông đảo cá nhân lại với nhau"⁽⁴⁾. Từ những sự phê phán ấy, C.Mác đã

đi đến kết luận mang tính cách mạng, rằng: "Bản chất con người không phải là một cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội"⁽⁵⁾.

Đồng thời với việc khẳng định bản chất xã hội của con người, hay bản chất con người "là tổng hòa những quan hệ xã hội", song C.Mác luôn nhấn mạnh đến sự gắn bó chặt chẽ mỗi quan hệ giữa con người với giới tự nhiên - bản chất tự nhiên của con người, mà trước hết, "về mặt thể xác thì ở con người cũng như ở con vật, đời sống có tính loài là ở chỗ con người (cũng như con vật) sống bằng giới tự nhiên vô cơ, và con người càng có tính phổ biến so với con vật thì phạm vi của giới tự nhiên vô cơ mà nó dựa vào để sống càng có tính phổ biến". Theo nghĩa ấy thì giới tự nhiên cũng "là thân thể vô cơ của con người"⁽⁶⁾. Điều này như C.Mác đã làm rõ: "chính trong việc cải biến thế giới vật thể, con người lần đầu tiên thực sự khẳng định mình là một sinh vật có tính loài. Sự sản xuất đó là đời sống có tính loài tích cực của con người. Nhờ sự sản xuất đó, giới tự nhiên biểu hiện ra là tác phẩm của nó (con người) và thực tại của nó. Do đó đối tượng lao động là sự đối tượng hoá đời sống có tính loài của con người: con người nhân đôi mình không chỉ về mặt trí tuệ như xảy ra trong ý thức nữa, mà còn nhân đôi mình một cách hiện thực, một cách tích cực và con người ngắm nhìn bản thân mình trong thế giới do mình sáng tạo ra"⁽⁷⁾.

Mặc dù, con người cũng mang bản chất tự nhiên như vậy, song theo C.Mác, "Bản thân con người bắt

đầu bằng sự phân biệt với súc vật ngay khi con người bắt đầu sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt của mình - đó là một bước tiến do tổ chức cơ thể của con người quy định. Sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt của mình, như thể con người đó gián tiếp sản xuất ra chính đời sống vật chất của mình⁽⁸⁾. Như vậy, lao động, một mặt là cơ sở để phân biệt giữa con người với con vật, nghĩa là phân biệt giữa con người với một bộ phận (của toàn bộ thân thể tự nhiên của chính con người) - con vật. Do đó, mặt khác, lao động, hiểu theo nghĩa đó, đã thể hiện một sự thống nhất giữa bản chất tự nhiên và bản chất xã hội của chính con người.

Khẳng định vai trò của lao động đối với sự phát triển con người không chỉ ở bản chất tự nhiên, mà còn ở bản chất xã hội, Ăngghen nhấn mạnh "lao động là điều kiện cơ bản đầu tiên của toàn bộ đời sống loài người, và như thế đến một mức mà trên một ý nghĩa nào đó, chúng ta phải nói: lao động đã sáng tạo ra bản thân con người (chúng tôi nhấn mạnh)"⁽⁹⁾. Đặc biệt con người trong sự phát triển của mình nhờ lao động - không phải là con người cá thể mà đó là sự phát triển của con người xã hội. Về điều này Ăngghen còn nhấn mạnh: "Sự phát triển của lao động đã đưa đến kết quả tất yếu là thắt chặt thêm những mối liên hệ giữa các thành viên của xã hội, bằng cách tạo ra rất nhiều trường hợp để cho con người giúp đỡ lẫn nhau, hợp tác với nhau, và làm cho con người càng ngày càng có ý thức rõ rệt hơn về lợi ích của sự hợp tác ấy đối với mỗi thành viên riêng rẽ"⁽¹⁰⁾. Đồng thời, chính bởi xã hội dưới bất cứ hình thức nào đều là "sản phẩm của sự tác động qua lại giữa những con người"⁽¹¹⁾; đồng thời "lịch sử chẳng qua chỉ là hoạt động của con người theo đuổi mục đích của bản thân mình"⁽¹²⁾; và như vậy, xã hội chính là kết quả hoạt động của con người, hay hoạt động của con người đã là xã hội, đã tạo nên xã hội rồi; vì thế nguồn gốc và động lực của sự phát triển xã hội phải được tìm trong chính lực lượng bản chất của con người từ chính trong hoạt động lao động đó.

Hơn nữa, xã hội không chỉ đơn thuần là kết quả hoạt động riêng lẻ của mỗi cá nhân. Nhấn mạnh hơn về điều này C.Mác và Ph.Ăngghen từng nhận xét: "Con người làm ra lịch sử của mình - vô luận là lịch sử này diễn ra thế nào - bằng cách là mỗi người theo đuổi những mục đích riêng, mong muốn một cách có ý thức, và chính kết quả chung của vô số những ý muốn tác động theo nhiều hướng khác nhau đó và của những ảnh hưởng muôn vẻ của những ý muốn đó vào

thế giới bên ngoài đã tạo nên lịch sử"⁽¹³⁾. Vì như vậy, việc sáng tạo ra con người và quan hệ con người chính là một giá trị "văn hoá" cao nhất của con người, do con người và vì con người.

Cũng nhấn mạnh về vai trò của lao động của con người quy định bản chất con người thể hiện trong vai trò chủ thể của lịch sử xã hội con người, Ph.Ăngghen viết: "Toàn bộ sự phát triển của xã hội loài người sau khi thoát khỏi giai đoạn dã man của động vật, đều bắt đầu từ ngày mà lao động gia đình sản xuất ra được nhiều sản phẩm hơn số cần thiết để nuôi sống nó, từ ngày mà một phần lao động có thể được dùng không chỉ để sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt mà còn để sản xuất những tư liệu sản xuất nữa. Số sản phẩm lao động dư ra ngoài cái chi phí để duy trì lao động, và việc hình thành và phát triển một quỹ sản xuất và dự trữ xã hội nhờ vào số dư ấy, trước kia và hiện nay vẫn là những cơ sở của mọi tiến bộ xã hội, chính trị và tinh thần (người trích nhấn mạnh)"⁽¹⁴⁾.

Mặc dù chỉ ra bản chất con người bị quy định bởi hoạt động lao động với tư cách sự thống nhất giữa bản chất tự nhiên và bản chất xã hội của chính con người như vậy, song trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản, C.Mác đặt vấn đề rằng vì sao và "làm thế nào mà con người đi tới chỗ tha hoá lao động của mình? Sự tha hoá đó có cơ sở thế nào trong bản chất của sự phát triển của con người?"⁽¹⁵⁾. Về điều này C.Mác vạch rõ:

Thứ nhất, trong mối quan hệ với tự nhiên, "khi tước của con người đối tượng sản xuất của con người, lao động bị tha hoá cũng tước của con người đời sống có tính loài của con người, tính đối tượng có tính loài thực sự của con người, và biến cái thế hơn của con người so với con vật thành cái tiêu cực đối với con người, vì con người bị tước mất thân thể vô cơ của mình, tức là giới tự nhiên"⁽¹⁶⁾; đồng thời, "giới tự nhiên cũng như tài sản tinh thần có tính loài của con người, - bị biến thành một bản chất xa lạ với con người, thành phương tiện duy trì sự tồn tại cá nhân của con người. Lao động bị tha hoá làm cho thân thể của bản thân con người, cũng như giới tự nhiên ở bên ngoài con người, cũng như bản chất tinh thần của con người, bản chất nhân loại của con người, trở thành xa lạ với con người"⁽¹⁷⁾.

Thứ hai, lao động xã hội của con người với tư cách là cơ sở quy định bản chất của con người, song theo C.Mác trong xã hội tư bản chủ nghĩa kết quả lao động cũng chính là lực lượng xa lạ thống trị lại chính người

lao động. C.Mác viết: "Công nhân càng sản xuất nhiều thì anh ta có thể tiêu dùng càng ít; anh ta tạo ra càng nhiều giá trị thì bản thân anh ta càng mất giá trị, càng bị mất phẩm cách; sản phẩm của anh ta tạo dáng càng đẹp thì anh ta càng què quặt; vật do anh tạo ra càng văn minh thì bản thân anh ta càng giống với người dã man; lao động càng hùng mạnh thì người công nhân càng ốm yếu; công việc của anh ta làm càng phức tạp thì bản thân anh ta càng trống rỗng về trí tuệ và càng bị nô lệ vào giới tự nhiên"⁽¹⁸⁾. Để làm sâu sắc hơn trong việc chỉ ra diện mạo của xã hội tư bản chủ nghĩa mà ở đó kết quả lao động luôn là lực lượng chống lại người lao động, một lần nữa C.Mác nhấn mạnh: "Sự vật hoá biểu hiện ra là sự mất vật phẩm đến mức người công nhân bị tước mất những vật phẩm cần thiết nhất, cần thiết không chỉ cho đời sống mà cả cho công việc nữa"⁽¹⁹⁾; và "Sự bần cùng của công nhân tỉ lệ thuận với sức mạnh và quy mô sản phẩm của anh ta"⁽²⁰⁾.

Thứ ba, sâu sắc hơn nữa, để vạch rõ về bản chất lao động bị tha hóa trong chủ nghĩa tư bản thể hiện trong quan hệ lao động mà trước hết là quan hệ trao đổi nhu cầu "giữa những con người" không những không làm gia tăng "sự phong phú thêm bản chất con người" mà trái lại, như C.Mác vạch rõ: "Mỗi người tìm cách thức tỉnh ở người khác một nhu cầu mới nào đó để buộc người đó phải mang tới một vật hy sinh mới, đặt người đó trong sự phụ thuộc mới và đẩy anh ta đến một hình thái hưởng thụ mới và do đó đến sự phá sản về kinh tế. Mỗi người tìm cách làm nảy sinh một lực lượng bản chất xa lạ nào đó thống trị người khác để tìm ra trong đó sự thỏa mãn nhu cầu vị kỷ của chính mình. Cho nên cùng với sự lớn lên của khối các vật phẩm, vương quốc của những bản chất xa lạ mà con người khuất phục cũng lớn lên, và mỗi sản phẩm mới là một khả năng mới để lừa dối lẫn nhau và cướp đoạt lẫn nhau"⁽²¹⁾.

Những điều phân tích trên của C.Mác cho thấy, nguyên nhân dẫn đến sự tha hóa của lao động, cũng có nghĩa là sự tha hóa bản chất con người xét đến cùng là bởi quan hệ bóc lột từ trong quan hệ giữa chính con người với tự nhiên; trong quan hệ với chính kết quả lao động của con người; giữa chính những con người trong điều kiện xã hội; và tựu chung lại "con người trở thành ngày càng nghèo khổ với tính cách là con người"⁽²²⁾.

Với những căn nguyên đó của sự tha hóa lao động được chỉ ra cũng chính là lý do mà C.Mác và

Ph.Ăngghen đã giải thích việc tại sao chủ nghĩa tư bản đã tạo ra được những thành quả phát triển cao của lực lượng sản xuất nhưng vẫn chưa thực hiện được mục tiêu tiến bộ xã hội vì sự phát triển con người. Thậm chí, như C.Mác và Ăngghen chỉ rõ, mặc dù giai cấp tư sản đã đóng một vai trò hết sức cách mạng trong lịch sử nhưng xã hội tư sản hiện đại, sinh ra từ trong lòng xã hội phong kiến, đã không xoá bỏ được những đối kháng giai cấp. Nó chỉ đem những giai cấp mới, những điều kiện áp bức mới, những hình thức đấu tranh mới thay thế cho những giai cấp, những điều kiện áp bức, những hình thức đấu tranh cũ mà thôi⁽²³⁾. Hơn nữa, theo quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen, sự phát triển của lực lượng sản xuất trong một hình thái kinh tế xã hội chỉ là tiêu chuẩn cơ bản nhất để so sánh sự phát triển về mặt kinh tế của một hình thái kinh tế xã hội này với một hình thái kinh tế xã hội khác. Bởi vì, trong xã hội có giai cấp, những thành tựu to lớn của sự phát triển lực lượng sản xuất được gọi là cơ sở của nền văn minh vẫn chỉ là kết quả được thực hiện trong sự bóc lột của giai cấp này đối với giai cấp khác, vì thế cái "phúc lợi của giai cấp này lại là tai hoạ của giai cấp kia" Như vậy, ngay cả khi lực lượng sản xuất có đạt đến trình độ phát triển cao nhưng nếu như quan hệ giữa người và người vẫn là quan hệ bóc lột, bất công, bất bình đẳng thì sự phát triển của lực lượng sản xuất vẫn mới chỉ dừng lại ở sự gia tăng và ngày càng hoàn thiện của tư liệu sản xuất chứ vẫn chưa phải là sự phát triển của con người với tính cách là một bộ phận cấu thành của lực lượng sản xuất. Thêm nữa, nói tới xã hội trước hết là nói tới quan hệ giữa người với người bởi vì xã hội, dưới bất kỳ hình thức nào, như C.Mác đã nhận xét, đều là "sản phẩm của sự tác động qua lại giữa những con người" Vì vậy, dù tư liệu sản xuất có tăng lên bao nhiêu chăng nữa, ngày càng hiện đại thêm bao nhiêu đi chăng nữa mà người lao động vẫn còn phải chịu cảnh bị bóc lột, áp bức, bất công, lao động của anh ta, nói như C.Mác, vẫn chưa phải là lao động tự nguyện, mà là lao động bị cưỡng bức, không phải là sự thỏa mãn nhu cầu lao động mà chỉ là một phương tiện để thỏa mãn nhu cầu khác⁽²⁴⁾, nghĩa là con người vẫn chưa được giải phóng hoàn toàn thì cũng chưa thể nói rằng xã hội đã đạt đến đỉnh cao của sự tiến bộ.

Với những lý do được phân tích đó, C.Mác và Ăngghen đi đến khẳng định rằng, những nền tảng vật chất to lớn của xã hội tư sản sẽ chỉ có thể thực sự trở thành cơ sở hiện thực cho sự hình thành một xã hội

công bằng, trong đó con người được phát triển đầy đủ, tự do [sau khi cuộc cách mạng xã hội vĩ đại nắm được những thành tựu của thời đại tư sản, nắm được thị trường thế giới và các lực lượng sản xuất hiện đại, và làm cho những cái ấy phải chịu sự kiểm soát chung của những dân tộc tiên tiến nhất⁽²⁵⁾.

2. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và vấn đề đặt ra trong nhận thức về sự phát triển con người

Qua bốn cuộc cách mạng công nghiệp diễn ra tính từ Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất đến nay, xét về thực chất đều là các cuộc cách mạng tạo ra từ sự phát triển vượt bậc về lực lượng sản xuất trên cơ sở vận dụng tri thức khoa học, hay theo cách gọi của C.Mác là [Sự vật hóa] hay [đối tượng hóa] khoa học vào trong các mắt khâu của quá trình sản xuất thông qua vai trò của kỹ thuật. Trên cơ sở đó, khi đánh giá về trình độ phát triển vượt bậc của lực lượng sản xuất ở giai đoạn Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, C.Mác viết: [Giai cấp tư sản, trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại⁽²⁶⁾. Hay cụ thể hơn, khi đánh giá về vai trò của khoa học và sự ứng dụng của nó trong sự phát triển của lực lượng sản xuất C.Mác cũng nhấn mạnh: [Sự phát triển của tư bản cố định là chỉ số cho thấy tri thức xã hội phổ biến (wis-sen knowledge) đã chuyển hóa đến mức độ nào đó thành lực lượng sản xuất trực tiếp⁽²⁷⁾. Còn khi chỉ ra vai trò của kỹ thuật trong việc gia tăng sự phát triển và ứng dụng của khoa học vào nền sản xuất xã hội Ph.Ăngghen cũng nhận định: [Nếu kỹ thuật phụ thuộc trên mức độ đáng kể vào trạng thái của khoa học □, thì khoa học phụ thuộc vào trạng thái và nhu cầu của kỹ thuật ở mức độ lớn hơn nhiều. Nếu trong xã hội xuất hiện một nhu cầu kỹ thuật thì điều đó sẽ thúc đẩy khoa học tiến lên nhiều hơn một chục trường đại học⁽²⁸⁾. Mặc dù có giống nhau như vậy, song cũng cần thấy rằng ở mỗi một cuộc cách mạng công nghiệp đều có đặc điểm riêng xét về sự nhấn mạnh đến các yếu tố chủ đạo trong nền sản xuất. Theo đó, nếu như cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất chủ yếu là cách mạng về công cụ, phương tiện sản xuất, thì kể từ Cách mạng công nghiệp lần thứ ba có thêm cách mạng về đối tượng lao động (công nghệ vật liệu mới, công nghệ nano..), và đến Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là cách mạng toàn diện ở cả hai phương diện: *một là*, về lực lượng sản xuất đó là sự phát triển về cả bốn yếu

tố: người lao động, công cụ, phương tiện lao động, đối tượng lao động, và đặc biệt là khả năng [kết nối] ngày càng trở nên [đồng bộ] giữa các yếu tố này so với trước đây, cũng theo đó lao động trực tiếp ngày càng giảm, lao động gián tiếp tăng lên; *hai là*, về quan hệ sản xuất, do sự tác động ngày càng sâu rộng của trình độ ứng dụng công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo, đã kéo theo sự biến đổi trước hết về hình thức của bản thân quan hệ sở hữu, quan hệ tổ chức quản lý và quan hệ phân phối, nhưng quan trọng còn bởi hình thức trong sự tương tác của cả ba quan hệ này do sự thâm nhập và sự ứng dụng của khoa học công nghệ với trình độ phát triển như hiện nay.

Trải qua hơn hai trăm năm của bốn cuộc Cách mạng công nghiệp, là toàn bộ cơ sở thực tiễn tiếp tục cho việc khẳng định những giá trị cách mạng và khoa học của triết học Mác trong quan điểm về bản chất con người, về sự tha hoá con người, cũng như điều kiện cho việc giải phóng và phát triển ngày càng toàn diện con người trong điều kiện của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư - Thời đại 4.0 của nhân loại nói chung và của Việt Nam nói riêng./

(1), (2) C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, T.1, tr.5, 6.

(3), (4), (5) C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, T.3, tr.55,11,1.

(6), (7) C.Mác và Ph.Ăngghen (2000), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, T.42, tr.134-135,137.

(8) C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, T.3, tr.29.

(9), (10) C.Mác và Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, T.20, tr.641,645.

(11) C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, T.27, tr.657.

(12) C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, T.2, tr.141.

(13) C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, T.21, tr.436.

(14), (15) C.Mác và Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, T.20, tr.272,144.

(16), (17), (18). (19), (20), (21), (22), (24) C.Mác và Ph.Ăngghen (2000), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, T.42, tr.137-138,138,131,129,126,184,184, 132-133.

(23), (25) C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb. (26) C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, T.9, tr.293,294.

(27) C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, T.46, phần 2, tr.372.

(28) C.Mác và Ph.Ăngghen (1999), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, T.39, tr.271.